

Bản án số: 32/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 29/7/2021

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn B Nhật.

2. Ông Dương Bảo Khánh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST - HNGĐ ngày 23/4/2021 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A – Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xóm P, xã LT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* **Bị đơn:** Ông Hoàng Đại B – Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm P, xã LT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng. (*Vắng mặt lần 2 – không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà khởi kiện ông Hoàng Đại B – Địa chỉ: Xóm P, xã LT, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, lý do xin ly hôn.

Bà và ông B kết hôn với nhau năm 1996, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã LT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 và cháu Hoàng Thị F3 –

Sinh năm 2009. Về tài sản chung: Bà không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân một thời gian, nay tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Nay bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông B.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 đã trưởng B bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Hoàng Thị F3 tùy theo nguyện vọng của cháu F3.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Hoàng Đại Thành trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị A lấy nhau năm 1996, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông bà có 03 con chung là chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 và cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009. Về nguyên nhân bà A xin ly hôn ông không biết và không đồng ý. Về con chung nếu trường hợp ông bà phải ly hôn thì theo nguyện vọng của con, đối với chị Hoàng Thị Minh F1, chị Hoàng Thị Diệu F2 đã trưởng B ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009 theo nguyện vọng của cháu F3 nếu cháu F3 ở với ông, ông không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chungL ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với đương sự nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân với ông Hoàng Đại Hành.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Hoàng Đại B.

-Về con chung: Đối với chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 đã trưởng B không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009 giao cho ông Hoàng Đại B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị A vì ông B không yêu cầu.

Ông B và bà A có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

- Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc ly hôn giữa bà Nguyễn Thị A và ông Hoàng Đại B.

[2] Về tư cách chủ thể: Bà Nguyễn Thị A khởi kiện ông Hoàng Đại B nên bà Nguyễn Thị A là nguyên đơn, ông Hoàng Đại B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà A: Cuộc hôn nhân giữa bà A và ông B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Bởi lẽ, bà A và ông B lấy nhau có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Về nguyên nhân ly hôn: Theo bà A, do trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân một thời gian. Theo ông B thì ông không biết lý do gì mà bà A xin ly hôn ông.

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai tại địa phương xác định vợ chồng bà A, ông B hay xảy ra mâu thuẫn, ông B đánh đập, chửi bới, đe dọa bà A, đã nhiều lần xóm khuyên ngăn hòa giải nhưng không B, ông bà đã ly thân được một thời gian, bà A về bên ngoại cùng xóm sinh sống.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà A và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

[4] Về con chung: Ông B và bà A có 03 con chung là chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 và cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009.

Đối với chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 hai bên đương sự đều xác định các chị đã trưởng B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009, hai bên đều có ý kiến theo nguyện vọng của cháu. Căn cứ biên bản lấy lời khai của cháu F3, cháu có nguyện vọng ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, ý kiến của cháu F3 hoàn toàn chính đáng cần được tôn trọng. Do đó, giao cháu F3 cho ông Hoàng Đại B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nếu ông được nuôi con, nên vấn đề này được tạm hoãn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì đương sự không kê khai và không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà Nguyễn Thị A phải chi 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Hoàng Đại B.

2. Về con chung: Ông B và bà A có 03 con chung là chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 và cháu Hoàng Thị F3 – Sinh năm 2009.

Đối với chị Hoàng Thị Minh F1 – sinh năm 1998, chị Hoàng Thị Diệu F2 – sinh năm 2001 đã trưởng B và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Thị F3 – Sinh ngày 31/3/2009, giao cháu Hoàng Thị F3 cho ông Hoàng Đại B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị A vì ông B không yêu cầu.

Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ông B cũng như các B viên trong gia đình không được cản trở bà A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F3.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004768 ngày 23 tháng 04 năm 2021.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã LT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn